

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02-5-2024
V/v tranh chấp về ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thiện Lợi.
- Ông Vũ Tiên Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Trung- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Cẩm M**, sinh năm: 1983;

Nơi ĐKKHTT: tổ H, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Nơi ở hiện nay: Số nhà A, đường số A, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Khúc Ngọc C**, sinh năm 1980;

Nơi ĐKKHTT: tổ H, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Nơi ở hiện nay: Số nhà C, ngõ F, phố L, tổ A, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Chị **M**, anh **C** vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Trần Thị Cẩm M** trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Khúc Ngọc C** tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại **UBND phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình** vào ngày 11/01/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng nhạt dần. Đến giữa năm 2023 vợ chồng mâu thuẫn càng tăng nên đã sống ly thân từ đó đến nay. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Khúc Ngọc C**.

Về con chung: Chị và anh **C** có 02 con chung là **Khúc Ngọc L**, sinh ngày 19/10/2008 và **Khúc Ngọc H**, sinh ngày 30/09/2011. Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi cả hai con và yêu cầu anh **C** cấp dưỡng nuôi con mỗi con 1.500.000 đồng/ 01 tháng đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vợ chồng không vay chung ai tài sản gì và không cho ai vay chung tài sản gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại Biên bản lấy lời khai của bị đơn, anh **Khúc Ngọc C** trình bày:** Về thời gian, điều kiện kết hôn đúng như chị **M** trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm vợ chồng ly thân nhau từ tháng 6/2023 đến nay. Nay chị **M** xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh vẫn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn. Về con chung vợ chồng anh có 02 con chung như chị **M** trình bày. Ly hôn anh nhất trí giao cho chị **M** nuôi cả 02 con chung, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi con 1.500.000 đồng/ tháng. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng anh. Vợ chồng anh không nợ chung ai, không cho ai vay, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Biên bản ghi lời khai của bà **Trần Thị T** là mẹ đẻ của chị **M** thể hiện:** Về thời gian, điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng và về con chung như chị **M**, anh **C** trình bày. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, gia đình bà có khuyên bảo nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp được. Nay chị **M** xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu ly hôn, bà đề nghị Tòa án giao cho chị **M** nuôi dưỡng cả hai con chung. Chị **M** có việc làm và thu nhập ổn định, có nhà của gia đình bà cho mẹ con chị **M** ở, có bà phụ giúp trong việc nuôi con nên chị **M** đủ điều kiện nuôi con. Anh **C**, chị **M** không có tài sản gì liên quan đến gia đình bà.

* Cháu Khúc Ngọc L và Khúc Ngọc H đều trình bày: Nếu bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của các cháu muốn được ở với mẹ cháu là Trần Thị Cẩm M.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị M được ly hôn anh C. Về quan hệ con chung: giao cho chị M được trực tiếp nuôi cả 02 con là Khúc Ngọc L, sinh ngày 19/10/2008 và Khúc Ngọc H, sinh ngày 30/09/2011. Chấp nhận sự tự nguyện của anh C, chị M: anh C cấp dưỡng nuôi con cho chị M mỗi con 1.500.000 đồng/ tháng/1 con kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con đủ 18 tuổi. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Án phí: Chị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh C phải nộp án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn do đó xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ giữa năm 2023 đến nay, anh C xin đoàn tụ tuy nhiên Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng chị M vẫn kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy hôn nhân giữa chị M và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị M được ly hôn anh C.

[3] Về quan hệ con cái: Chị M và anh C có 02 con chung là Khúc Ngọc L, sinh ngày 19/10/2008 và Khúc Ngọc H, sinh ngày 30/09/2011. Ly hôn, cần chấp nhận sự tự nguyện của anh C, chị M, nguyện vọng của 02 cháu giao cho chị M được trực tiếp nuôi cả 02 con; Chấp nhận sự tự nguyện của anh C, chị M về việc anh C cấp dưỡng nuôi con cho chị M mỗi con 1.500.000đồng/tháng/1 con kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị M và anh C đều trình bày không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh C phải nộp án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 55, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Cẩm M được ly hôn anh Khúc Ngọc C.

2. Về quan hệ con chung: Ly hôn, giao cho chị Trần Thị Cẩm M được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con là Khúc Ngọc L, sinh ngày 19/10/2008 và Khúc Ngọc H, sinh ngày 30/09/2011. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Khúc Ngọc C, chị Trần Thị Cẩm M về việc anh Khúc Ngọc C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con Khúc Ngọc L và Khúc Ngọc H cho chị Trần Thị Cẩm M mỗi con 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng/1 con kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

Anh Khúc Ngọc C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị Trần Thị Cẩm M và anh Khúc Ngọc C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Cẩm M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0001125 ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành

án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Anh **Khúc Ngọc C** phải nộp 150.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

5. Về quyền kháng cáo: chị **Trần Thị Cẩm M** và anh **Khúc Ngọc C** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân **phường Kỳ Bá**, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (Giấy Chứng nhận kết hôn số: 11 **ngày 11/01/2008**);
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương

